

QUYẾT ĐỊNH

Về tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định về phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên Nước ngày 21/06/2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-ND-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất và mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức thu phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 4011/STNMT-KHTC ngày 12/7/2017 về trình phê duyệt Quyết định tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số HĐND tỉnh quy định về phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định về phí thăm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đính kèm theo Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh Đồng Nai):

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết nêu trên, hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo UBND tỉnh để báo HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm theo quy định.

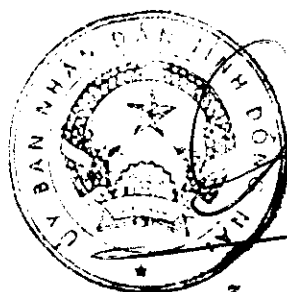
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 64/2017/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 07 tháng 7 năm 2017

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
Số: 196.56/B
ĐẾN
19/7/17

NGHỊ QUYẾT

Quy định về phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 5601/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định đối tượng áp dụng, các trường hợp không phải nộp phí, tổ chức thu phí, mức thu và quản lý nguồn thu phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân hoạt động về tài nguyên nước nộp hồ sơ thẩm định về điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

2. Các trường hợp không phải nộp phí: Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước không phải đăng ký, không phải xin phép theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

3. Tổ chức thu phí

Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Mức thu phí

a) Mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất quy định chi tiết tại phụ lục I kèm theo.

b) Mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo, khai thác, sử dụng nước mặt quy định chi tiết tại phụ lục II kèm theo.

c) Mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi quy định chi tiết tại phụ lục III kèm theo.

d) Mức thu phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất quy định chi tiết tại phụ lục IV kèm theo.

5. Quản lý nguồn thu

Cơ quan thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 161/2015/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2015 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định về thu phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Đồng Nai Khóa IX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành của tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT.



Nguyễn Phú Cường



PHỤ LỤC I
PHÍ THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN, BÁO CÁO THĂM DÒ, KHAI THÁC,
SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Đồng/đề án, báo cáo

Số TT	Nội dung thu	Mức thu lần đầu	Mức thu gia hạn, bổ sung
1	Thẩm định thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất (đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m ³ /ngày đêm)	2.500.000	1.250.000
2	Thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất (đối với công trình có quy mô từ 200 m ³ đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm)	7.500.000	3.750.000
3	Thẩm định báo cáo kết quả thi công giếng khai thác (đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m ³ /ngày đêm)	2.500.000	1.250.000
4	Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất (đối với công trình có quy mô từ 200 m ³ đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm)	7.500.000	3.750.000
5	Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động (đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m ³ /ngày đêm)	2.500.000	1.250.000
6	Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động (đối với công trình có quy mô từ 200 m ³ đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm)	7.500.000	3.750.000

Ghi chú: Mức thu phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh, bổ sung bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu.



PHỤ LỤC II
PHÍ THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN, BÁO CÁO, KHAI THÁC,
SỬ DỤNG NƯỚC MẶT
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Đồng/đề án, báo cáo

Số TT	Nội dung thu	Mức thu lần đầu	Mức thu gia hạn, bổ sung
1	Thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp chưa có công trình khai thác)	7.500.000	3.750.000
2	Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp đã có công trình khai thác)	7.500.000	3.750.000

Ghi chú: Mức thu phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh, bổ sung bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu.

PHỤ LỤC III
PHỤ THÂM ĐỊNH ĐỀ ÁN, BÁO CÁO XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN
NƯỚC, CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)



Đơn vị tính: Đồng/đề án, báo cáo

Số TT	Nội dung thu	Mức thu lần đầu	Mức thu gia hạn, bổ sung
1	Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi (đối với lưu lượng dưới 200 m ³ /ngày đêm)	2.500.000	1.250.000
2	Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi (đối với lưu lượng từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm)	7.500.000	3.750.000
3	Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản (với lưu lượng từ trên 10.000m ³ đến dưới 30.000 m ³ /ngày đêm)	7.500.000	3.750.000

Ghi chú: Mức thu phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh, bổ sung bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu.



PHỤ LỤC IV
BIỂU MỨC THU PHÍ
PHẨM ĐỊNH HỒ SƠ, ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ
KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: đồng/hồ sơ

Số TT	Nội dung thu	Mức thu lần đầu	Mức thu gia hạn, bổ sung
1	Thẩm định hồ sơ hành nghề khoan nước dưới đất với quy mô nhỏ (có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 110mm và thuộc công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200 m ³ /ngày đêm)	2.500.000	1.250.000
2	Thẩm định hồ sơ hành nghề khoan nước dưới đất với quy mô vừa (có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 250mm và thuộc công trình có lưu lượng từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm).	7.500.000	3.750.000

Ghi chú: Mức thu phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh, bổ sung bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu.